

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN THỊ THU HÒA

**NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN THỊ THU HÒA

**NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Đào Trí Úc

HÀ NỘI - 2011

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU

1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

6

- 1.1. Khái niệm đồng phạm và các hình thức đồng phạm 6
 - 1.1.1. Khái niệm đồng phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam 6
 - 1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của đồng phạm 12
 - 1.1.3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự của đồng phạm 19
 - 1.1.4. Các hình thức đồng phạm 22
 - 1.2. Khái niệm người thực hành trong đồng phạm và ý nghĩa của việc xác định đúng vai trò của người thực hành trong đồng phạm 26
 - 1.2.1. Quá trình phát triển các quy định về người thực hành trong đồng phạm và khái niệm người thực hành trong đồng phạm theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 26
 - 1.2.2. Ý nghĩa của việc xác định đúng vai trò người thực hành trong đồng phạm 35
 - 1.3. Phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác 35
 - 1.3.1. Các loại người đồng phạm 35
 - 1.3.2. Phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác 39
- ## **Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ**
- 42
- 2.1. Người thực hành theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 42
 - 2.2. Thực tiễn xét xử và những tồn tại vướng mắc đối với việc xác định trách nhiệm hình sự của người thực hành trong đồng phạm 46
 - 2.2.1. Vài nét về hoạt động xét xử các vụ án có đồng phạm trong thời gian từ năm 2005 đến 2010 của ngành Tòa án 46
 - 2.2.2. Những tồn tại, vướng mắc trong việc áp dụng các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự và vai trò của người thực hành trong đồng phạm 50
- ## **Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM**
- 79
- 3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm 79
 - 3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm 79

	Cơ sở của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự Việt	81
3.1.2.	Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm	
3.1.3.	Nội dung các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Hình	87
	sự năm 1999 về đồng phạm và người thực hành	
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp	89
	luật về người thực hành trong công tác xét xử	
3.2.1.	Về lập pháp	89
3.2.2.	Về áp dụng pháp luật	91
3.2.3.	Về công tác cán bộ	92
	KẾT LUẬN	94
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nhiều năm gần đây, cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước, tình hình tội phạm trên toàn quốc diễn biến ngày càng phức tạp, gia tăng về số lượng. Những vụ án do nhiều người (chủ yếu là người thực hành) cùng thực hiện, mang tính chất quốc tế, xuyên quốc gia ngày càng nhiều với quy mô và tính chất phức tạp ngày càng cao. So với tội phạm do một người thực hiện, tội phạm có đồng phạm thực hiện thường mang tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn các vụ án một người thực hiện.

Việc xác định chính xác các giai đoạn phạm tội; từng loại người (bao gồm cả người thực hành) trong đồng phạm có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân hoá vai trò, xác định trách nhiệm hình sự, các thể hoá hình phạt đối với mỗi bị can, bị cáo.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao thì số vụ án hình sự có từ 02 bị cáo trở lên tham gia, đều thể hiện năm sau tăng hơn năm trước. Song quy định của pháp luật về vấn đề đồng phạm còn chưa đầy đủ, rõ ràng, đôi khi khó áp dụng nên các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, bất đồng quan điểm trong việc điều tra, truy tố xét xử đối với các vụ án có đồng phạm, đặc biệt là những vụ án có nhiều người thực hành tham gia. Hiện tượng bản án bị huỷ, bị sửa do không thống nhất trong việc xác định đồng phạm, người thực hành trong đồng phạm vẫn xảy ra, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; uy tín của ngành Tòa án nói riêng và các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề về dấu hiệu, đặc điểm trách nhiệm pháp lý của người thực hành trong đồng phạm theo quy định của luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay và một số hạn chế trong thực tiễn áp dụng Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 trong công tác xét xử các vụ án có người thực hành trong đồng phạm thời gian vừa qua để đưa ra một số luận cứ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự nói chung, Bộ luật Hình sự năm 1999 nói riêng và đưa ra một số giải pháp về mặt thực tiễn nhằm góp phần phòng, chống các tội phạm có đồng phạm; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần phục vụ thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có ý nghĩa chính trị - xã hội và lý luận - thực tiễn quan trọng. Đây là lý do chính để học viên quyết định lựa chọn đề tài: "*Người thực hành trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam*" làm đề tài luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Dưới góc độ khoa học pháp lý, trong thời gian qua việc nghiên cứu về đồng phạm, người thực hành trong đồng phạm đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu lý luận, luật gia hình sự và cán bộ thực tiễn. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố thể hiện ở một số luận văn, luận án, sách chuyên khảo, tham khảo, bình luận và giáo trình đại học như:

- GS.TSKH Đào Trí Úc chủ biên, *Mô hình lý luận về Bộ luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993;

- GS.TSKH Lê Cẩm, *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, *Sách chuyên khảo sau đại học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005;

- ThS.Trịnh Quốc Toàn, "Đồng phạm", Trong sách: *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Tập thể tác giả do GS.TSKH Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001 (tái bản năm 2003 và 2007).

- Trần Quang Tiệp, *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2000;

- Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 (Phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2004;

- Nguyễn Thị Trang Liên. *Các hình thức đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009;

Bên cạnh đó vấn đề này cũng được đề cập ở nhiều công trình nghiên cứu, bài viết của nhiều tác giả như:

- Nguyễn Ngọc Hòa, *Trần Quốc Dũng phạm tội gì? Bàn về các giai đoạn phạm tội và vấn đề cộng phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/1980; Lê Cẩm, *Về chế định đồng phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/1988; Đoàn Văn H- ồng. *Đồng phạm và một số vấn đề về thực tiễn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2003; Đặng Văn Doãn, *Vấn đề đồng phạm*, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1986; Trần Quang Tiệp. *Chế định đồng phạm trong pháp luật hình sự ở một số n- ớc trên thế giới*, Tạp chí Nhà n- ớc và pháp luật, số 11/1997; Lê Thị Sơn. *Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm*, Tạp chí Luật học, số 3/1998; D- ơng Văn Tiến. *Các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những ng- ời đồng phạm*, Tạp chí Nhà n- ớc và pháp luật, số 1/1986...

Tuy nhiên, các công trình nói trên đa số có phạm vi nghiên cứu rộng, hoặc nghiên cứu vấn đề đồng phạm d- ới một số khía cạnh nhất định, hoặc chỉ xem xét d- ới góc độ tội phạm học - phòng ngừa trong luật hình sự Việt Nam; có công trình nghiên cứu về đồng phạm nh- ng đã đ- ợc tiến hành cách đây khá lâu, ch- a có những công trình phân tích sâu về mặt lý luận và thực tiễn xét xử đối với từng loại ng- ời trong đồng phạm, đặc biệt là đối với **ng- ời thực hành** - trung tâm của hoạt động phạm tội trong đồng phạm. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về ng- ời thực hành trong chế định đồng phạm, cũng nh- đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về chế định đồng phạm vẫn còn có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là phục vụ trực tiếp cho quá trình xét xử, giải quyết các vụ án hình sự của ngành Tòa án.

3. Mục đích và đối t- ượng nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống về những vấn đề pháp lý cơ bản về ng- ời thực hành trong đồng phạm nh- : khái niệm; các dấu hiệu pháp lý; trách nhiệm hình sự đối với ng- ời thực hành; phân biệt ng- ời thực hành với các hình thức đồng phạm khác. Qua nghiên cứu một số v- ớng mắc, khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật khi xử lý các vụ án hình sự có đồng phạm (đặc biệt là nhiều ng- ời thực hành tham gia), luận văn chỉ ra một số v- ớng mắc, tồn tại trong xác định vai trò, trách nhiệm hình sự của ng- ời thực hành trong vụ án có đồng phạm. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về xử lý đối t- ượng này.

3.2. Đối t- ượng nghiên cứu

Đối t- ượng nghiên cứu của luận văn đúng với tên gọi của đề tài là "**Ng- ời thực hành trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam**".

4. Cơ sở lý luận và ph- ơng pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận

Luận văn đ- ợc thực hiện trên cơ sở ph- ơng pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, t- t- ờng Hồ Chí Minh và những chủ tr- ơng, đ- ờng lối của Đảng, Nhà n- ớc ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu trong đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp và thống kê xã hội học; phương pháp so sánh, đối chiếu; phân tích thuần túy quy phạm pháp luật; nghiên cứu, điều tra án điển hình... để phân tích và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu trong luận văn này. Trong quá trình thực hiện đề tài luận văn, học viên đã tiếp thu có chọn lọc kết quả của các công trình đã công bố; các đánh giá, tổng kết của các cơ quan chuyên môn và các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ở bình diện lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn đã đưa ra một số luận cứ góp phần hoàn thiện lý luận về chế định đồng phạm, người thực hành trong đồng phạm trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Cụ thể, làm rõ các vấn đề chung về người thực hành trong vụ án có đồng phạm theo quy định của luật hình sự Việt Nam; phân tích khái quát sự hình thành và phát triển của các quy định pháp luật hình sự nước ta về người thực hành trong đồng phạm từ năm 1945 đến nay; phân biệt hình thức đồng phạm này với một số hình thức đồng phạm khác mà hiện nay đang có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ chế định đồng phạm quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999; phân tích thông qua nghiên cứu thực tiễn xét xử trên toàn quốc (mà chủ yếu là tại địa bàn thành phố Hà Nội) từ năm 2005 đến năm 2010 để so sánh, qua đó chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập của các quy định hiện hành; chỉ ra các vấn đề chưa thống nhất trong quá trình áp dụng các quy định đó cũng như chỉ ra nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về người thực hành trong chế định đồng phạm ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn.

Về thực tiễn, luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến người thực hành trong đồng phạm, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm có sự tham gia của nhiều người hiện nay và sắp tới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về người thực hành trong đồng phạm.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm và thực tiễn xét xử.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về người thực hành trong đồng phạm.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm đồng phạm và các hình thức đồng phạm

1.1.1. Khái niệm đồng phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam

Trong phần này tác giả đã tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề sau:

- Nêu ý nghĩa của việc xác định đồng phạm và những loại người đồng phạm.
- Tìm hiểu khái niệm đồng phạm qua lịch sử các quy định của pháp luật (có so sánh với pháp luật một số nước).
- Đưa ra khái niệm đồng phạm như sau "Đồng phạm là sự cố ý cùng tham gia của hai người trở lên vào việc thực hiện tội phạm do cố ý".
- Nêu ý nghĩa của việc xây dựng khái niệm đồng phạm.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của đồng phạm

a) Dấu hiệu thuộc mặt khách quan của đồng phạm

Tác giả đưa ra và phân tích các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của đồng phạm gồm:

Dấu hiệu thứ nhất đòi hỏi phải có ít nhất hai người trở lên có đủ điều kiện chủ thể tham gia thực hiện một tội phạm độc lập.

Dấu hiệu thứ hai đòi hỏi những người đồng phạm đều có chung hành động và hướng tới một kết quả chung.

b) Dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của đồng phạm

Tác giả nêu và phân tích các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của đồng phạm gồm:

Dấu hiệu lỗi: Lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức là cố ý hoặc vô ý.

Đồng phạm chỉ được thực hiện với lỗi cố ý, mỗi người đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội đều cố ý với hành vi của mình và mong muốn sự cố ý tham gia của những người đồng phạm khác. Lỗi cố ý trong đồng phạm được thể hiện trên hai mặt lý trí và ý chí

Dấu hiệu động cơ, mục đích

Ngoài dấu hiệu lỗi là cùng thực hiện và cùng cố ý, trong một số trường hợp đồng phạm còn đòi hỏi dấu hiệu cùng mục đích, khi đó mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

1.1.3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự của đồng phạm

a) Nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm

Theo nguyên tắc này, luật hình sự Việt Nam đã xác định: Tất cả những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự, bị truy tố, xét xử về cùng một tội danh, theo cùng một điều luật, trong phạm vi những chế tài điều luật ấy quy định. Những nguyên tắc chung về truy cứu trách nhiệm hình sự, về quyết định hình phạt, về thời hiệu mà luật định đối với loại tội do đồng phạm thực hiện được áp dụng cho tất cả những người đồng phạm. *Tuy nhiên, theo pháp luật hình sự Việt Nam trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân, mỗi người đồng phạm là một chủ thể có lý trí và ý chí hành động trên cơ sở nhận thức và điều khiển hành vi của mình cho nên mỗi người đồng phạm chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trên cơ sở hành vi phạm tội của chính mình.*

b) Nguyên tắc chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện vụ đồng phạm

Mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện vụ đồng phạm. Nguyên tắc này thể hiện ở chỗ: Những người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người đồng phạm, người thực hành khác

c) Nguyên tắc cá thể hoá trách nhiệm hình sự của những người thực hành trong đồng phạm

Trong một vụ đồng phạm, những người tham gia tuy phạm cùng một tội nhưng tính chất và mức độ tham gia của mỗi người là khác nhau. Cho nên, khi xác định trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm cũng như người thực hành trong đồng phạm phải

xem xét mức độ và tính chất tham gia của mỗi người. Tính chất tham gia của những người đồng phạm thể hiện vai trò của họ trong đồng phạm. Mức độ thể hiện sự đóng góp thực tế cụ thể của người thực hành trong đồng phạm và việc thực hiện tội phạm. Mức độ tham gia càng lớn thì hậu quả nguy hại cho xã hội càng cao. Do đó trách nhiệm hình sự phải tương xứng với mức độ tham gia của mỗi người thực hành trong đồng phạm.

1.1.4. Các hình thức đồng phạm

Vai trò của từng người đồng phạm phụ thuộc vào hình thức hành vi đồng phạm mà họ thực hiện. Việc tìm hiểu các hình thức đồng phạm sẽ giúp chúng ta xác định chính xác trách nhiệm hình sự cho từng người đồng phạm phù hợp với loại hình tội phạm mà họ thực hiện. Có hai hình thức phân loại và một hình thức đồng phạm đặc biệt, cụ thể:

a) Phân loại theo dấu hiệu chủ quan gồm đồng phạm không có thông mưu trước và đồng phạm có thông mưu trước

Đồng phạm không có thông mưu trước là hình thức đồng phạm trong đó không có sự thoả thuận bàn bạc với nhau trước giữa những người đồng phạm hoặc là có sự thoả thuận nhưng không đáng kể.

Đồng phạm có thông mưu trước là hình thức đồng phạm trong đó những người đồng phạm đã có sự thoả thuận bàn bạc trước với nhau về tội phạm cùng thực hiện

Nhìn chung đồng phạm có thông mưu trước có tính chất nguy hiểm hơn đồng phạm không có thông mưu trước.

b) Phân loại theo dấu hiệu khách quan có đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp

Đồng phạm giản đơn là hình thức đồng phạm trong đó những người tham gia vào vụ phạm tội đều có vai trò là người thực hành.

Đồng phạm phức tạp là hình thức đồng phạm trong đó có một hoặc một số người tham gia giữ vai trò người thực hành, còn những người khác giữ vai trò xúi giục, tổ chức hay giúp sức.

c) Phạm tội có tổ chức

Đây là hình thức đồng phạm đặc biệt mà định nghĩa pháp lý của nó đã được các nhà làm luật nước ta ghi nhận trong pháp luật hình sự hiện hành tại Khoản 3 Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999: "*Phạm tội có tổ chức là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.*"

1.2. Khái niệm người thực hành trong đồng phạm và ý nghĩa của việc xác định đúng vai trò của người thực hành trong đồng phạm

1.2.1. Quá trình phát triển các quy định về người thực hành trong đồng phạm và khái niệm người thực hành trong đồng phạm theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999

Trong phần này tác giả tìm hiểu các khái niệm đã được đưa ra về người thực hành từ trước đến nay theo pháp luật hình sự Việt Nam, cũng như theo các quan điểm khoa học, trên cơ sở có so sánh với pháp luật nước ngoài. Theo đó, tác giả đi sâu phân tích các dạng người thực hành. Cụ thể người thực hành được hiểu là người tự mình thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm hoặc là người thực hiện hành vi đó qua hành vi người khác mà người này không phải chịu trách nhiệm hình sự vì những lý do khác nhau. Xét về phương thức thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, có thể phân biệt hai dạng người thực hiện tội phạm: Người tự mình thực hiện tội phạm và người không tự mình thực hiện tội phạm.

a) Người tự mình thực hiện tội phạm

Là trường hợp tự mình thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm. Trường hợp này người thực hành có thể sử dụng hoặc không sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội.

b) Người không tự mình thực hiện tội phạm

Là người đã quyết định thực hiện một tội phạm cụ thể, nhưng lại không muốn tự mình thực hiện.

Trong thực tế thường có 04 trường hợp thực hiện hành vi phạm tội thông qua người khác là:

- Sử dụng người không có năng lực nhận thức hoặc điều khiển hành vi hay người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- Lợi dụng sai lầm của người khác về những tình tiết khách quan của tội phạm hoặc người đó không có lỗi để gây ra hậu quả của tội phạm.
- Sử dụng người khác gây thiệt hại bằng việc cưỡng bức, uy hiếp ... làm người bị cưỡng bức hành động trong trạng thái có lý trí.
- Sử dụng người dưới quyền thực hiện mệnh lệnh không hợp pháp của mình.

Từ đó tác giả xây dựng một khái niệm chung nhất về người thực hành như sau: *Người thực hành là người trực tiếp thực hiện, tham gia vào việc thực hiện tội phạm hoặc thực hiện tội phạm bằng thủ đoạn sử dụng những người mà theo các quy định của Bộ luật này không phải chịu trách nhiệm hình sự.*

1.2.2. Ý nghĩa của việc xác định đúng vai trò người thực hành trong đồng phạm

Khái niệm người thực hành nói riêng được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 có ý nghĩa hết sức to lớn về mặt lập pháp. Đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta. Khái niệm người thực hành là cơ sở để từ đó xác định đúng vai trò của họ trong những loại người đồng phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm của người thực hành trong đồng phạm; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người thực hành trong đồng phạm; các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của người thực hành trong đồng phạm. Khái niệm người thực hành trong đồng phạm còn là cơ sở pháp lý để phân biệt hành vi đồng phạm của người thực hành và những hành vi liên quan đến tội phạm đảm bảo thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực hình sự nhằm xử lý đúng người, đúng tội, không kết tội oan và không bỏ lọt tội phạm. Như vậy, khái niệm người thực hành trong đồng phạm có ý nghĩa thống nhất về mặt nhận thức trong nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử.

1.3. Phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác

Trong phần này tác giả trình bày về các loại người trong đồng phạm. Từ đó đưa ra những tiêu chí để phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác.

1.3.1. Các loại người đồng phạm.

a) Người thực hành được xác định là người giữ vai trò quan trọng trong bốn loại người đồng phạm. Bởi hành vi trực tiếp thực hiện của họ là hành vi chính được mô tả trong cấu thành tội phạm.

b) Người tổ chức được hiểu là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Người tổ chức có một vai trò rất quan trọng trong vụ đồng phạm, được coi là linh hồn của tội phạm.

c) Người giúp sức được hiểu là người tạo điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

d) Người xúi giục được hiểu là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

1.3.2. Phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác

- Về sự giống nhau:

+ Người thực hành và những người đồng phạm khác đều có chung ý chí thực hiện tội phạm.

+ Người thực hành và mỗi người đồng phạm đều có những hành động cụ thể nhằm mục đích chung là thực hiện tội phạm.

+ Họ đều phải chịu trách nhiệm về hậu quả chung mà họ và đồng phạm gây ra.

- Về sự khác nhau:

+ Người thực hành bắt buộc là người thực hiện hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm.

+ Hoạt động của người thực hành là trung tâm và là yếu tố bắt buộc để hoàn thành tội phạm.

Những người đồng phạm khác có thể chỉ tham gia ở một số hành vi nhất định góp phần vào việc thực hiện tội phạm hoặc không tham gia trực tiếp vào việc thực hiện tội phạm (như người xúi giục..).

+ Hành vi thực hành có thể được thực hiện dưới hình thức hành động hoặc không hành động phạm tội thì hành vi xúi giục nhất thiết phải là hành vi hành động phạm tội. Hành vi đó được thể hiện dưới các dạng: kích động, kêu gọi, lôi kéo, lừa phỉnh, dụ dỗ. Hành vi xúi giục để người này dụ dỗ người khác nữa thực hiện tội phạm cần được xác định là xúi giục, hành vi xúi giục người khác giúp sức cho việc thực hiện tội phạm cần xác định là hành vi giúp sức.

+ Hành vi của người thực hành cũng khác với hành vi của người giúp sức bởi lẽ hành vi của người giúp sức chỉ tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện tội phạm chứ nó không trực tiếp thực hiện tội phạm. Người giúp sức không thực hiện hành vi mô tả trong cấu thành tội phạm.

+ Đối với những tội phạm đòi hỏi chủ thể đặc biệt, một người nếu đã thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm mà không thỏa mãn các dấu hiệu của chủ thể đặc biệt cần coi đó là hành vi giúp sức chứ không phải là hành vi của người thực hành.

+ Điểm khác biệt nữa giữa người thực hành với người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức đó là đối với những tội quy định chủ thể đặc biệt là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì người thực hành phải đáp ứng được dấu hiệu này. Trường hợp đồng phạm có nhiều người thực hành thì tất cả những người thực hành đó cũng phải đáp ứng được dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Trong khi đó những người đồng phạm khác như người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức thì không nhất thiết phải có dấu hiệu này.

Mặc dù có những điểm khác nhau như đã nêu trên nhưng giữa người thực hành và người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức vẫn có mối quan hệ qua lại, tác động lẫn nhau thể hiện trước hết và chủ yếu ở mặt chủ quan của người thực hành với những người đồng phạm khác. Người thực hành và những người đồng phạm khác thống nhất về ý chí và có ý định thống nhất về việc thực hiện tội phạm chung.

Với những nội dung ở Chương 1, tác giả rút ra kết luận: nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm giúp chúng ta có nhận thức chung nhất về khái niệm, đặc điểm, đặc trưng của người thực hành trong đồng phạm và các loại người thực hành trong đồng phạm trên cơ sở đó có những đánh giá sát thực để xây dựng nên những quy phạm pháp luật hình sự phù hợp với vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của người thực hành trong đồng phạm và trong tội phạm nói chung

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

2.1. Người thực hành theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999

Trên cơ sở xem xét quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 "Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm", tác giả chỉ ra và phân tích những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của người thực hành. Cụ thể:

a) Hoạt động của người thực hành là trung tâm của hoạt động phạm tội

Người thực hành có thể trực tiếp thực hiện toàn bộ hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm hoặc thực hiện một trong những hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, song tổng thể những hành vi của những người thực hành thoả mãn dấu khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm. Hậu quả phạm tội chung của đồng phạm được đánh giá dựa trên những hậu quả cụ thể thuộc mặt khách quan của tội phạm do người thực hành gây ra. Hoạt động của những loại người đồng phạm khác đều nhằm đến mục tiêu để người thực hành thực hiện hành vi mô tả trong cấu thành tội phạm.

Mặt khác, các giai đoạn thực hiện tội phạm của đồng phạm được xác định bởi hành vi thực hiện tội phạm của người thực hành. Theo đó, việc xác định giai đoạn chuẩn bị phạm tội; phạm tội chưa đạt; phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hoặc tội phạm hoàn thành của những người đồng phạm khác đều được xác định bởi hành vi thực hiện tội phạm của người thực hành đang ở giai đoạn nào của tội phạm. Như vậy, hoạt động của người thực hành là bắt buộc và nhất thiết phải có trong hoạt động phạm tội, đó chính là hoạt động trung tâm của tội phạm có đồng phạm.

b) Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm

Đây là trường hợp người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi chính được mô tả trong cấu thành tội phạm. Là trường hợp người phạm tội tự mình thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Chính họ sử dụng hoặc không sử dụng phương tiện công cụ nhất định để thực hiện việc tác động hoặc không tác động đến những sự vật đối tượng cụ thể gây nên những thiệt hại thuộc mặt khách quan của tội phạm.

Trong vụ phạm tội cố ý có thể có nhiều người cùng tự mình thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Trong trường hợp này không đòi hỏi mỗi người phải thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, mà có thể mỗi người chỉ thực hiện một phần hành vi đó, nhưng đòi hỏi hành vi tổng hợp của họ phải là hành vi có đủ dấu hiệu của cấu thành tội phạm.

Đối với những tội đòi hỏi chủ thể đặc biệt thì những người đồng phạm thực hiện chỉ có thể là những người có đủ dấu hiệu của chủ thể đặc biệt. Nếu không họ chỉ có thể là người giúp sức hoặc cá biệt có thể phạm tội khác.

c) Người thực hành thực hiện hành vi phạm tội thông qua việc sử dụng những người không phải chịu trách nhiệm hình sự

Trường hợp thứ hai của người trực tiếp thực hiện tội phạm là những người không tự mình thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Họ chỉ có hành động (cố ý) tác động đến người khác để người này thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, nhưng bản thân những người bị tác động thực hiện hành vi đó lại không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với người đã tác động vì:

- Họ không có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc chưa đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

- Hoặc họ không có lỗi hay chỉ có lỗi vô ý do sai lầm.

Trường hợp này không có đồng phạm và trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với người đã có hành vi thông qua sự tác động tới người khác để phạm tội.

d) Người thực hành thực hiện tội phạm với sự cố ý

Lỗi của những người đồng phạm nói chung và những người thực hành nói riêng thường là lỗi cố ý trực tiếp, chỉ rất ít trường hợp là lỗi cố ý gián tiếp. Họ ý thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình cũng như hậu quả do hành vi đó gây ra; nhận thức được sự tác động hỗ trợ của người đồng phạm khác trong việc thực hiện tội phạm để đạt được hậu quả phạm tội chung. Người thực hành mong muốn hoặc có ý thức bỏ mặc cho hậu quả phạm tội xảy ra. Đối với những tội mà dấu hiệu động cơ và mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm thì người thực hành và những người đồng phạm phải thoả mãn dấu hiệu đó, nếu không sẽ không có đồng phạm.

2.2. Thực tiễn xét xử và những tồn tại vướng mắc đối với việc xác định trách nhiệm hình sự và vai trò của người thực hành trong đồng phạm

2.2.1. Vài nét về hoạt động xét xử các vụ án có đồng phạm trong thời gian từ năm 2005 đến 2010 của ngành Tòa án

Trong phần này, từ nguồn số liệu báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, tác giả nghiên cứu và đưa ra 03 bảng kết quả tổng hợp gồm: Tổng hợp số liệu xét xử của ngành Tòa án nhân dân trên toàn quốc từ năm 2005 đến năm 2010 (thống kê theo nhóm tội, số vụ, số bị cáo); Tổng hợp kết quả đặc điểm nhân thân của bị cáo do ngành Tòa án nhân dân xét xử trên toàn quốc từ năm 2005 đến năm 2010; Tổng hợp kết quả xét xử phúc thẩm vụ án có người thực hành có kháng cáo, kháng nghị, lấy ngẫu nhiên 180 bản án từ năm 2005-2010 (mỗi năm 30 bản án) chủ yếu tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Kết quả thống kê thực tiễn xét xử nêu trên cho phép tác giả rút ra một số đánh giá như sau:

- Số lượng các bị cáo trong các vụ án hình sự đã xét xử đã gia tăng nhanh chóng. Tình hình các vụ án có đồng người tham gia đều thể hiện năm sau cao hơn năm trước. Số lượng các bị cáo là phụ nữ, là đảng viên, là người chưa thành niên có chiều hướng gia tăng.

- Các vụ án xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm tài sản, xâm phạm tính mạng sức khỏe, các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có đồng người tham gia với số tài sản chiếm đoạt cực kỳ lớn cũng xuất hiện ngày càng nhiều, gây thiệt hại nghiêm trọng về chính trị, kinh tế, an ninh của quốc gia..

- Các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia và những vụ án có bị cáo là người nước ngoài có chiều hướng giảm.

- Quan điểm về việc truy tố xét xử đối với hành vi phạm tội của các cơ quan tiến hành pháp luật còn có sự khác biệt, bất đồng dẫn đến việc cải sửa, hủy án có liên quan đến hành vi phạm tội trong đó có người thực hành.

2.2.2. Những tồn tại, vướng mắc trong việc áp dụng các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự và vai trò của người thực hành trong đồng phạm

Trong phần này tác giả dẫn chứng những vụ án điển hình còn nhiều vướng mắc bất cập trong xác định trách nhiệm hình sự, đặc biệt đối với người thực hành, sau đó phân tích, đánh giá và đưa ra quan điểm của mình.

Tác giả tập trung vào những vướng mắc trong việc áp dụng các nguyên tắc như: nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, nguyên tắc chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện vụ đồng phạm, nguyên tắc cá thể hoá trách nhiệm hình sự của những người thực hành trong đồng phạm; vướng mắc trong trường hợp người thực hành thực hiện hành vi phạm tội thông qua việc sử dụng người không phải chịu trách nhiệm hình sự, đối với vấn đề chủ thể đặc biệt là người thực hành trong đồng phạm, đối với

việc xác định trách nhiệm hình sự của người thực hành trong các giai đoạn thực hiện tội phạm.

Từ những vướng mắc về những vấn đề nêu trên, tác giả tìm hiểu và đưa ra các nguyên nhân gồm:

** Nguyên nhân khách quan:*

- Với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội hiện nay, nhất là trong thời kỳ mới hội nhập, các quan hệ nảy sinh ngày càng đa dạng; theo đó tình hình tội phạm ngày càng gia tăng. Số lượng cũng như tính chất phức tạp của các vụ án hình sự tăng lên rất nhiều. Một vụ án nhưng có thể có nhiều hành vi xâm hại nhiều quan hệ được pháp luật bảo vệ; mỗi vụ án có thể có rất nhiều bị cáo với nhiều loại hành vi khác nhau cùng tham gia, thậm chí có nhiều loại hành vi rất khó đánh giá, nhận biết đã xâm hại mối quan hệ nào, cấu thành tội danh nào. Việc xử lý đối với những vụ án này cũng khó khăn, phức tạp. Một loại người tham gia việc phạm tội nhưng có thể ở nhiều dạng hành vi, ở nhiều giai đoạn phạm tội khác nhau tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể nên rất khó nhận biết. Việc xác định người thực hành trong đồng phạm theo đó càng trở nên khó khăn. Trong khi đó số lượng cán bộ có chuyên môn trong các cơ quan tiến hành tố tụng không đủ để giải quyết, đặc biệt là ngành Tòa án, nhiều địa phương thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ và bổ nhiệm Thẩm phán.

- Quy định về đồng phạm nói chung, người thực hành nói riêng còn ở mức độ khái quát nên có thể dẫn đến những cách hiểu, cách suy đoán khác nhau khi áp dụng vào các tình huống thực tế.

- Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng thể chế chúng ta chưa coi trọng việc nghiên cứu khoa học và thiếu sự tổng kết điều tra thực tiễn. Nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ, nên việc xây dựng các quy định không sát, không hợp lý, không sửa đổi kịp thời, tính dự báo không cao. Kinh nghiệm lập pháp còn hạn chế.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Trước hết, đó là sự nhận thức về người thực hành và những loại người trong đồng phạm của những người tiến hành tố tụng có sự khác nhau. Cùng một nội dung quy định trong pháp luật nhưng có nhiều cách hiểu, nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Trong cùng một trường hợp thực tế, có người xác định vai trò này, có người lại xác định tư cách khác. Hoặc trong những trường hợp khác nhau nhưng hành vi có cùng bản chất, việc xác định tội danh, trách nhiệm hình sự cũng khác nhau.

- Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số bộ phận cán bộ, công chức cơ quan xét xử còn hạn chế dẫn đến việc vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết vụ án hình sự không được chính xác.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án chưa được chú trọng, chưa có sự đổi mới về cách thức tiến hành và giáo trình tập huấn, chưa đảm bảo được sự đầu tư đúng mức. Trong đào tạo, bồi dưỡng chưa có kế hoạch tổng thể mang tính chiến lược; chất lượng chưa cao, nhiều khi chỉ mang tính hình thức, đặc biệt là công tác tập huấn.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ NGƯỜI THỰC HÀNH TRONG ĐỒNG PHẠM

3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm

3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm

Cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về người thực hành, bởi lẽ: Bộ luật hình sự năm 1999 đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế về kỹ thuật lập pháp, nhiều quy định của Bộ luật hình sự còn quá khái quát, một số cấu thành tội phạm dễ nhầm lẫn, quy định về tội phạm cụ thể chưa phù hợp với quy định trong Phần chung của Bộ luật; chưa phù hợp giữa hình phạt và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội trong mối quan hệ so sánh giữa các hành vi; chưa đồng bộ theo logic chung của Bộ luật hình sự; hoặc chưa phù hợp với quy định của các ngành luật khác có liên quan. Một số quy định của Bộ luật hình sự - đặc biệt là một số quy định tại phần chung về đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm - còn chưa đầy đủ, chặt chẽ và chính xác về nội dung, chưa phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm. Bộ luật Hình sự năm 1999 chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tinh thần của Nghị quyết đại hội Đảng IX, X, XI

3.1.2. Cơ sở của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người thực hành trong đồng phạm

**** Hiến pháp, pháp luật liên quan và lý luận khoa học***

Trước hết cơ sở của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về người thực hành cần dựa vào: sự phù hợp với Hiến pháp, bởi lẽ, Hiến pháp là một đạo luật cơ bản của Nhà nước, đạo luật gốc đặt ra những quy định có tính chất nền tảng của chế độ Nhà nước, chế độ xã hội, tổ chức bộ máy Nhà nước, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và là cơ sở pháp lý rất quan trọng để xác định toàn bộ hệ thống pháp luật nước ta; sự đồng bộ với các đạo luật khác có liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự; các lý luận khoa học và sự tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới.

**** Một số hạn chế tại quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 liên quan đến người thực hành trong đồng phạm***

- Khái niệm về dạng người thực hành thực hiện hành vi phạm tội thông qua người khác (hay còn gọi là người thực hành không tự mình thực hiện tội phạm) đã có trong lý luận khoa học nhưng chưa được quy định trong điều luật.

- Hành vi thái quá của người thực hành và trách nhiệm của những người đồng phạm khác trong trường hợp này đã xuất hiện rất lâu, rất nhiều trong thực tiễn xét xử và gây nên rất nhiều tranh cãi trong các cơ quan áp dụng pháp luật nhưng chưa được quy định chính thức trong chế định về đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm.

- Chưa có khái niệm các hình thức đồng phạm khác ngoài hình thức phạm tội có tổ chức.

- Loại người "người hoạt động đặc lực" tại điều 79, 80, 81 của Bộ luật Hình sự năm 1999 chưa có trong quy định tại Phần chung của Bộ luật.

- Các giai đoạn thực hiện tội phạm của người thực hành chưa được quy định chính thức.

Cần có sự cụ thể hoá đường lối tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986. Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 19/04/1988 hướng dẫn chi tiết việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người thực hành, người giúp sức và việc

miễn trách nhiệm hình sự đối với các loại người đồng phạm tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm.

- Cần có quy định cụ thể về việc miễn trách nhiệm hình sự nói chung và người thực hành trong đồng phạm nói riêng trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

3.1.3. Nội dung các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Hình sự năm 1999 về đồng phạm và người thực hành

Từ những vấn đề đã được phân tích đánh giá ở các phần nêu trên của luận văn tác giả cho rằng cần sửa đổi một số quy định về người thực hành của Bộ luật hình sự năm 1999 cụ thể ở các vấn đề sau:

Thứ nhất: Khái niệm người thực hành trong đồng phạm cần có sự bao quát cả về dạng người thực hành thực hiện hành vi phạm tội thông qua người khác theo mô hình lý luận như sau: *...Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm hoặc trực tiếp tham gia vào việc thực hiện tội phạm cùng với những người cùng thực hành khác cũng như người thực hiện tội phạm bằng cách sử dụng những người mà theo quy định của Bộ luật này không phải chịu trách nhiệm hình sự.*

Thứ hai: Đối với trường hợp có hành vi vượt quá của người thực hành:

- Trước hết cần đưa ra khái niệm về hành vi vượt quá của người thực hành trong Bộ luật hình sự. Hành vi vượt quá của người thực hành cần được quy định như sau: *Hành vi vượt quá của người thực hành tội phạm là việc họ tự thực hiện tội phạm không có sự cố ý của những người đồng phạm khác.*

Những người đồng phạm khác không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành

Về vấn đề "Người hoạt động đặc lực", theo quy định tại các Điều 79, 81, 82, 83... của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm an ninh quốc gia có ghi nhận một loại người là "người hoạt động đặc lực" trong cấu thành tội phạm. Thông thường, đây được hiểu là "người thực hành" tham gia tích cực; Tại Điều 20 của Bộ luật Hình sự quy định về các loại người đồng phạm nhà làm luật lại không đề cập đến loại người này hoặc giải thích trong nội dung của dạng người thực hành. Như vậy, quy định của phần chung và phần riêng Bộ luật hình sự còn có sự không thống nhất nên cần có sự quy định thống nhất trong Phần chung và phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự về "người hoạt động đặc lực".

Thứ ba: Quy định cụ thể về các hình thức đồng phạm khác ngoài hình thức đồng phạm có tổ chức. Theo đó, cần sửa đổi bổ sung vấn đề này tại điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo mô hình lý luận như sau:

"... Phạm tội không có sự thông mưu trước là hình thức đồng phạm đơn giản.

Phạm tội có thông mưu trước là hình thức đồng phạm phức tạp.

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm"

Thứ tư: Bổ khái niệm người hoạt động đặc lực trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự năm 1999 để khái niệm về người thực hành thống nhất theo Phần chung của Bộ luật Hình sự.

Thứ năm: Cần bổ sung quy định các giai đoạn thực hiện tội phạm của người thực hành trong đồng phạm và trách nhiệm của các loại người đồng phạm trong trường hợp người thực hành có hành vi vượt quá hoặc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Thứ sáu: Quy định cụ thể về việc miễn trách nhiệm hình sự trong đồng phạm nói chung và người thực hành trong đồng phạm nói riêng trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật về người thực hành trong công tác xét xử

3.2.1. Về lập pháp

Để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm, tác giả đề xuất một số nội dung sau:

- Bám sát thực tiễn, nắm bắt kịp thời những vấn đề nảy sinh trong công tác áp dụng pháp luật và các quan hệ pháp lý hiện thực trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Thường xuyên rà soát văn bản, để tránh hiện tượng trùng lặp, chồng chéo.

- Kết hợp hài hòa giữa chi tiết và khái quát trong mỗi văn bản.

- Rà soát lại các văn bản hiện có; hủy bỏ những quy định đã không còn hiệu lực, hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; đánh giá toàn bộ các quy định có liên quan đến đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm trước khi xây dựng các văn bản mới; sửa chữa, bổ sung các quy định cho rõ; hạn chế tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản, tạo sự phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Chú trọng vai trò chuyên gia trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao chất lượng văn bản. Nâng cao năng lực của các chuyên gia và chuyên viên soạn thảo dự án luật, pháp lệnh; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan trình dự án luật và pháp lệnh. Đẩy mạnh công tác phối hợp các bộ, ban, ngành sẽ bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán của văn bản luật được soạn thảo. Mở rộng sự tham gia đông đảo của xã hội, nhất là của các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học

- Thực hiện việc thẩm định các dự án luật, nghị định một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng.

3.2.2. Về áp dụng pháp luật

Trong công tác áp dụng pháp luật, tác giả đưa ra một số giải pháp khắc phục như:

- Khi áp dụng pháp luật phải hiểu một cách đầy đủ, chính xác các khái niệm và nội dung quy định của pháp luật về đồng phạm nói chung, người thực hành trong đồng phạm nói riêng. Nhìn nhận quy định về người thực hành trong mỗi quan hệ tổng thể với những quy định về người đồng phạm khác. Có sự so sánh đối chiếu giữa các trường hợp, lật đi lật lại một vấn đề để hiểu được bản chất của từng loại người và xác định được dấu hiệu quan trọng cho việc phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác.

- Khi áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án hình sự không chỉ áp dụng hai ngành luật là hình sự và tố tụng hình sự, mà cần có sự bao quát và áp dụng cả các quy định của những ngành luật khác có liên quan.

- Trong từng vụ án cụ thể cần xác định những hành vi, hậu quả cụ thể của mỗi tội phạm, mỗi bị cáo của vụ án hình sự để đưa ra giải quyết. Tránh tình trạng xác định nhầm, giải quyết không hết hoặc giải quyết vượt quá hành vi, hậu quả phạm tội của mỗi bị cáo.

- Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bên cạnh việc xác định có hành vi phạm tội hay không, vấn đề trách nhiệm hình sự là trọng tâm, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần coi trọng cả việc xác định rõ vai trò, mức hình phạt của bị cáo trong vụ án vụ án hình sự.

- Vụ án nào có khó khăn hoặc bất đồng quan điểm về tội danh, vai trò, trách nhiệm của người thực hành nên nghiên cứu kỹ hồ sơ; tìm hiểu tài liệu và các quy định của pháp luật về những vấn đề chưa rõ. Nếu không chắc chắn hay khó xác định có thể đưa ra trao đổi với đồng nghiệp để cùng bàn bạc thảo luận xem ý kiến nào là hợp lý nhất, từ đó rút ra được cách giải quyết đúng đắn.

- Làm tốt hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn giải quyết các vụ án và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc giải quyết các vụ án có người thực hành trong đồng phạm. Đặc biệt là đối với ngành Tòa án, việc đúc rút những vướng mắc, kinh nghiệm từ công tác xét xử là rất cần thiết.

3.2.3. Về công tác cán bộ

Công tác cán bộ cũng cần được quan tâm với những nội dung sau:

- Làm tốt công tác tổ chức cán bộ, đảm bảo đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực sở trường. Từng bước tuyển dụng đủ cán bộ và làm tốt khâu tuyển chọn theo hướng lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn theo quy định và có năng lực.
- Tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho Thẩm phán, cán bộ.
- Tăng cường công tác quản lý cán bộ, thanh tra, kiểm tra để phát hiện, xử lý kịp thời đối với các tập thể và cá nhân cán bộ, công chức có vi phạm.

KẾT LUẬN

Đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm là chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lý để đấu tranh phòng chống các loại tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm. Trong các loại người đồng phạm thì người thực hành là người có vai trò trung tâm, chi phối trong việc thực hiện tội phạm. Do vậy, việc nghiên cứu về mặt lý luận để ban hành những văn bản quy định liên quan đến chế định đồng phạm nói chung và người thực hành nói riêng là rất quan trọng.

Lịch sử lập pháp của Việt Nam từ xưa tới nay, vấn đề đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm đã được đề cập, nghiên cứu ở nhiều công trình, tác phẩm với những khía cạnh khác nhau. Các công trình, tác phẩm này đều hướng tới mục tiêu chung nhất là ngày càng hoàn thiện lý luận về mặt khoa học đối với các vấn đề liên quan đến đồng phạm, người thực hành trong đồng phạm để từ đó có được các quy phạm pháp luật xử lý một cách chính xác, đúng đắn nhất hành vi của người đồng phạm nói chung và người thực hành trong đồng phạm nói riêng. Để đạt được mục đích như vậy, Luật hình sự Việt Nam đã trải qua một quá trình dài kế thừa, phát triển, phát huy những kiến thức khoa học của nhiều thế hệ; học hỏi, tiếp thu những kiến thức về khoa học Luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tuy nhiên, hành vi liên quan đến tội phạm của người thực hành là rất đa dạng, phong phú, phức tạp. Điều đó đòi hỏi các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn phải luôn tìm tòi, nghiên cứu để bao quát cũng như dự báo được những thiên hướng tội phạm do người thực hành gây ra; lý giải và đưa ra được những giải pháp xử lý hành vi của người thực hành trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Trong nhiều năm gần đây, các vụ án có đồng phạm và đặc biệt có đồng người thực hành tham gia đã tăng lên đáng kể với mức độ nguy hiểm về tính chất tội phạm và mức độ phức tạp về hành vi ngày càng cao, gây nên những hậu quả nặng nề về nhiều mặt cho đời sống xã hội. Các quy định của pháp luật cũng như lý luận đối với một số vấn đề liên quan đến đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm theo Bộ luật Hình sự năm 1999 đã bộc lộ quá nhiều bất cập khi áp dụng cụ thể vào việc xét xử đối với những hành vi cụ thể của đồng phạm và người thực hành trong đồng phạm.

Vì vậy nghiên cứu, hoàn thiện những vấn đề liên quan đến đồng phạm nói chung và người thực hành nói riêng là công việc rất cần thiết, góp phần to lớn vào việc hoàn thiện pháp luật nói chung đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp cũng như phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

Với mong muốn góp phần nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với người thực hành trong đồng phạm, tác giả hy vọng những kiến nghị, giải pháp được nêu tại luận văn này sẽ được các nhà nghiên cứu, các học giả tham khảo, xem xét trong tiến trình hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và pháp luật liên quan đến người thực hành trong đồng phạm nói riêng.